TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2020/LĐ-PT
Ngày 07/4/2020
V/v tranh chấp tiền thưởng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Liên Minh

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Hoa;

Bà Phan Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Hoa Thiên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/4/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2020/LĐPT ngày 13/01/2020 về: "Tranh chấp tiền thưởng".

Do bản lao động sơ thẩm số 60/2019/LĐ-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 887/2020/QĐ-PT ngày 26/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2792/2020/QĐ-PT ngày 26/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đ – sinh năm 1982.

Địa chỉ: 77 đường L, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: 49/6 đường M, KP4, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(theo Giấy ủy quyền số công chứng 001393, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/4/2017 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Trí Tam)

(vắng mặt theo đơn đề ngày 25/3/2020)

2. Bị đơn: Công Ty T

Địa chỉ: 11B đường N, phường B, Quận M, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà H, sinh năm 1976

Địa chỉ: 21 đường B, khu dân cư 13C, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo giấy ủy quyền số 28/2020/GUQ-TTE ngày 02/3/2020 của Tổng Giám đốc công ty). (Vắng mặt theo đơn đề ngày 06/4/2020)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Ông T - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ông Đ là nhân viên chính thức của Công ty T(gọi tắt là TTE), vị trí Kỹ sư bán hàng theo hợp đồng lao động số 042/2014/TT do Bà H – Phó Tổng Giám đốc ký vào ngày 08/11/2014 và số 042/2015/TT do Ông T – Phó Tổng Giám đốc ký vào ngày 08/11/2015 có hiệu lực đến hết ngày 07/11/2016.

Ngày 11/5/2015, Ông H – Tổng Giám đốc Công ty TTE có ký một Quyết định số 003-2015/TT về việc chế độ trả thưởng năm 2015. Nội dung cơ bản: Đối tượng thụ hưởng sẽ bắt đầu được tính thưởng bán hàng khi doanh số thực tế cá nhân đạt từ 80% doanh số cam kết cá nhân trở lên (theo mục II.1/trang 2/2 – Nguyên tắc thưởng cho kỹ sư bán hàng trong năm 2015).

Sau khi kết thúc năm tài chính từ 01/4/2015 đến hết 31/3/2016, riêng cá nhân ông Đ đạt doanh số 133,9% (có đính kèm bảng chi tiết giá trị hợp đồng các phòng ban kí xác nhận, trong đó có Trưởng phòng kế toán). Với doanh số trên ông Đ được thưởng 52.200.000 VNĐ (*Năm mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng chẵn*) theo công thức tính thưởng tại mục II.2/trang 2/6 của Quyết định số 003-2015/TT về việc chế độ trả thưởng năm 2015.

Cho đến nay, bị đơn vẫn chưa có động thái thanh toán tiền thưởng cho ông Đ trong khi các kỹ sư bán hàng cùng cấp được nhận thưởng vào tháng 7/2016. Ông Đ đã nhiều lần làm việc với ông M – Trưởng phòng bán hàng, bà H – phó Tổng giám đốc và ông H – Tổng Giám đốc nhưng vẫn không được giải quyết thỏa đáng.

Đến ngày 5/9/2016, ông Đ có họp với ông H, bà H và ông M để thống nhất cho việc trả thưởng. Kết quả cuộc họp như sau: Ông H nhận hết lỗi trong vụ này là do cấp dưới là bà H và ông M làm sai quy định đồng thời ông Hòe lên tiếng bỏ tiền cá nhân của ông để trả thưởng cho ông Đ là 52.200.000 VNĐ (*Năm mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng chẵn*). Ngay sau đó, ông Đ chủ động chốt lại ngày trả thưởng thì nhận được câu trả lời của bà H đưa chứng từ lên ông H sẽ trả. Nhưng trên thực tế, chứng từ tới chỗ bà H thì không chuyển tiếp tục lên ông H được, do bà H đổ lỗi cho cấp dưới lưu trữ và đợi truy tìm, khi ông Đ lên gặp ông H thì ông bảo làm việc vượt cấp. Đến 17 giờ 02 phút chiều cùng ngày 05/9/2016, bà H gửi thư điện tử cho ông Đ với nội dung xác nhận không trả thưởng.

Chính vì vậy, nguyên đơn đưa ra một số yêu cầu sau nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình bao gồm:

- Yêu cầu bị đơn chi trả thưởng theo Quy chế Công ty đã ban hành theo Quyết định số 003-2015/TT về việc chế độ trả thưởng năm 2015 với số tiền là 52.200.000 VNĐ (*Năm mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng*) và án phí.

- Buộc bị đơn bồi thường 5 tháng tiền lương (tính trong hợp đồng) là 15.000.000 đ x 5 = 75.000.000 đồng vì đã chấm dứt hợp đồng lao động không có lý do chính đáng.

*** Ông N – người đại diện theo uỷ quyền cho bị đơn trình bày:**

- Ngày 08/11/2015, Công ty T và ông Đ có ký kết hợp đồng lao động như ông Đ đã trình bày, vị trí công việc của ông Đ là kỹ sư bán hàng phụ trách nhãn hàng van hiệu Fisher thuộc nhóm TTV là nhóm kinh doanh (Business Unit) trong Công ty T.

- Ngày 11/05/2015 Công ty T ban hành Quyết định số 003-2015/TT về việc chế độ thưởng năm 2015 (sau đây gọi là Quyết định 003) có hiệu lực từ ngày 01/04/2015. Quyết định 003 được gửi bằng email đến địa chỉ email của nhân viên bán hàng trong Công ty. Tại Mục I.3 Quyết định 003 nêu rõ: Đối tượng thụ hưởng theo quy định tại Quyết định 003 không bao gồm 04 bộ phận, trong đó có bộ phận "Fisher Business" thuộc nhóm TTV (vì đã có cơ chế hoạch toán riêng theo TTV) mà ông Đ thuộc bộ phận này.

- Cũng vào ngày 11/05/2015 Công ty ban hành Quyết định số 005/2015/TT quy định chế độ hoạch toán của Toan Thang valve (TTV) năm 2015-2016 (sau đây gọi là Quyết định 005) có hiệu lực từ ngày 01/04/2015. Quyết định 005 được gửi bằng email đến địa chỉ của ông M là Trưởng bộ phận bán hàng để phổ biến cho các kỹ sư bán hàng cấp dưới, trong đó có ông Đ.

- Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016, ông Đ ký được 32 hợp đồng với khách hàng, chủ yếu là hợp đồng bán sản phẩm nhãn hàng Fisher và vào tháng 5/2016, Công ty nhận được tờ trình đề xuất thưởng bán hàng của ông Đ, theo đó ông Đ đề nghị Ban Giám đốc Công ty xét thưởng với số tiền 52.200.000 đồng. Số liệu tính toán tiền thưởng căn cứ vào Quyết định 003 của Công ty ban hành ngày 11/05/2016.

- Phía Công ty nhận thấy, do ông Đ thuộc nhóm TTV, không phải là đối tượng thụ hưởng theo Quyết định 003 nên việc căn cứ vào công thức tính thưởng của ông Đ thuộc nhóm TTV được áp dụng theo Quyết định 005 và căn cứ vào Quyết định 005 thì kết quả kinh doanh của ông Đ từ ngày 01/04/2015 đến 31/03/2016 không đáp ứng điều kiện được xét thưởng.

- Đại diện phía Công ty đã nhiều lần làm việc với ông Đ nhưng chưa đi đến quyết định cuối cùng vì ông Đ cho rằng ông không biết đến Quyết định 005 mà Công ty đã ban hành, mặc dù chúng tôi biết rằng ông Đ không thể không biết đến Quyết định 005 vì Công ty đã thông báo đến Trưởng bộ phận bán hàng cùng với ngày ban hành Quyết định 003 và vị trí công việc của ông Đ là kỹ sư bán hàng phụ trách nhãn hàng Fisher, thuộc nhóm TTV không phải là đối tượng thụ hưởng theo Quyết định 003 đã được quy định rất rõ tại Mục I.3 Quyết định 003.

- Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực để giải quyết đề nghị xét thưởng của ông Đ trên cơ sở thấu tình, đạt lý. Nhưng vì quy định của Công ty không thể bị phá vỡ nên Giám đốc Công ty là ông H đã dự định bỏ tiền túi của mình ra để trả thưởng cho ông Đ trong cuộc họp với ông Đ ngày 05/09/2016. Đến ngày

09/09/2016, đại diện cho Công ty là bà H gửi email cho ông Đ thông báo đến văn phòng Công ty rằng ông Đ nhận tiền thưởng từ tiền túi của ông Hòe. Tuy nhiên, ngày 12/09/2016, ông Đ đã lợi dụng email của Công ty gửi đến rất nhiều khách hàng của Công ty và các hãng mà công ty làm đại diện với mục đích chỉ trích, nói xấu Công ty nhằm hạ uy tín của Công ty trước các đối tác và gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, do đó ông H đã rút lại quyết định trích tiền cá nhân của mình thưởng cho ông Đ.

Về yêu cầu Công ty T bồi thường 05 tháng tiền lương là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng) theo Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 07/11/2016.

Ông Đ làm việc cho Công ty T theo hợp đồng lao động số 042-HĐLĐ/2015-TT có thời hạn 1 năm, từ ngày 08/11/2015 đến ngày 07/11/2016;

Do Công ty T không có nhu cầu tiếp tục sử dụng lao động đối với ông Đ nên Công ty quyết định không gia hạn hợp đồng số 042-HĐLĐ/2015-TT. Trên cơ sở đó, ngày 13/09/2016, Công ty T ban hành Quyết định số 44/2016-TT v/v chấm dứt hợp đông lao động với ông Đ kể từ ngày 08/11/2016 và Quyết định đã được bàn giao cho Ông Đ cùng ngày. Nội dung chính của Quyết định là chấm dứt hợp đồng lao động khi hợp đồng lao động hết hạn theo qui định tại khoản 1 Điều 36 Bộ luật lao động và thông báo cho Ông Đ biết trước để Ông Đ có thời gian xin việc mới tại một công ty khác. Công ty T đã thanh toán đầy đủ tiền lương và các chế độ theo theo hợp đồng lao động và qui định của pháp luật về lao động cho Ông Đ đến hết ngày 07/11/2016 (ngày hợp đồng lao động hết hạn);

Do ông Đ có hành vi gửi email đến khách hàng của Công ty và các hãng mà công ty làm đại diện xâm phạm đến danh dự và uy tín của Công ty, gây thiệt hại rất lớn cho Công ty vì có thể dẫn đến việc khách hàng không tiếp tục làm việc và/hoặc ký kết hợp đồng với Công ty chúng tôi. Căn cứ vào Điều 584.1 và Điều 592.2 Bộ luật dân sự 2015, Công ty đề nghị Tòa án xem xét:

- Buộc ông Đ bồi thường tổn thất về tinh thần do hành vi đã gây ra với số tiền bằng mười lần mức lương cơ sở là 1.300.000 đ x 10 = 13.000.000 đ. Số tiền bồi thường cụ thể có nêu trong Đơn yêu cầu phản tố ngày 08/3/2017.

- Buộc nguyên đơn phải xin lỗi công khai trước toàn thể nhân viên của công ty T tại trụ sở của công ty.

Với các nội dung trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên án:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 70, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 188, khoản 2, Điều 202; khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 36; Điều 103 Bộ luật Lao động;

Căn cứ pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án 2009.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ yêu cầu Công ty T trả thưởng năm 2015 với số tiền là 52.200.000 VNĐ (Năm mươi hai triệu hai trăm ngàn).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ yêu cầu Công ty T bồi thường 5 tháng tiền lương (tính trong hợp đồng) là 15.000.000 đ x 5 = 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công Ty T.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 10/10/2019 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn kháng cáo nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt và bài bảo vệ ngày 25/3/2020 với nội dung chính:

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã không xem xét đĩa file ghi âm cuộc họp ngày 05/9/2016 do nguyên đơn cung cấp chứng minh có sự kiện phía Công ty đồng ý chi trả cho nguyên đơn về tiền thưởng năm 2015 - 2016.

+ Khoản tiền bồi thường khi đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật trong các buổi làm việc với Tòa án, phía nguyên đơn thường xuyên đề cập yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Do đó, thời hiệu khởi kiện bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật vẫn còn.

Vì lý do trên, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có văn bản trình bày bổ sung Nguyên đơn là kỹ sư bán hàng phụ trách nhãn hàng Fisher, thuộc nhóm TTV không phải là đối tượng thụ hưởng theo Quyết định 003 đã được quy định rất rõ tại Mục I.3 Quyết định 003. Theo Quyết định 005 thì nhóm TTV được thưởng 20% lợi nhuận khi TTV có lãi và doanh số phải đạt trên 80% doanh số cam kết. Tổng kết kết quả kinh doanh của nhóm TTV (trong đó có nguyên đơn) từ ngày 01/4/2015 đến hết ngày 31/3/2016 chỉ đạt doanh số 39.674.677,296VND tương đương 1.779.134USD tức khoảng 66% doanh số cam kết 2.699.818 USD (đính kèm theo Quyết định 005). Như vậy, năm tài khóa 2015 – 2016 nguyên đơn hoàn toàn không có thưởng doanh thu. Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi phân tích những tình tiết khách quan của vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá về kháng cáo, các tình tiết của vụ án, việc giải quyết, xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm, đối chiếu những căn cứ pháp luật, Hội đồng xét xử Phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định, nguyên đơn có đóng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên đơn kháng cáo của đương sự hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiếp tục xét xử vụ án theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm không xem xét hết các chứng cứ khách quan của vụ án nên bản án sơ thẩm đã không phù hợp với thực tế của vụ án. Chính vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

[3] Theo hợp đồng lao động số 042/2015/TT ngày 08/11/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn thì chức danh chuyên môn của nguyên đơn là chuyên viên bán hàng của công ty. Theo Quyết định số 005/2015/TT ngày 22/6/2015 về chế độ hạch toán của Toàn Thắng valve (TTV) năm 2015 - 2016 (sau đây gọi là Quyết định 005) thì ông Đ thuộc tổ chức của TTV (là nhóm kinh doanh trong TTE). Quyết định số 003/2015/TT quy định chế độ tiền thưởng năm 2015 (sau đây gọi là Quyết định 003). Tại Mục I.3 Quyết định 003 nêu rõ: Đối tượng thụ hưởng theo quy định tại Quyết định 003 không bao gồm 04 bộ phận, trong đó có bộ phận "Fisher Business" thuộc nhóm TTV (vì đã có cơ chế hoạch toán riêng theo TTV). Như vậy, nguyên đơn thuộc bộ phận của TTV không được hưởng chính sách thưởng theo Quyết định số 003 của Công ty.

[4] Theo Quyết định 005 thì nhóm TTV được thưởng 20% lợi nhuận khi TTV có lãi và doanh số phải đạt trên 80% doanh số cam kết. Tổng kết kết quả kinh doanh của nhóm TTV (trong đó có nguyên đơn) từ ngày 01/4/2015 đến hết ngày 31/3/2016 chỉ đạt doanh số 39.674.677,296VND tương đương 1.779.134USD tức khoảng 66% doanh số cam kết 2.699.818 USD (phụ lục 01: Doanh số cam kết năm 2015 – 2016 đính kèm theo Quyết định 005). Như vậy, năm tài khóa 2015 – 2016 nguyên đơn cũng hoàn toàn không có thưởng doanh thu.

[5] Do nguyên đơn không được hưởng chế độ thưởng theo Quyết định số 003 (mục [4]), nhóm TTV cũng không đủ doanh số để được hưởng chế độ thưởng theo Quyết định số 005 (mục [5]), nên án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền thưởng của ông Đ là có căn cứ nên giữ nguyên phần quyết định này của bản án sơ thẩm.

[6] Ông Đ làm việc cho Công ty T theo hợp đồng lao động số 042-HĐLĐ/2015-TT có thời hạn 1 năm, từ ngày 08/11/2015 đến ngày 07/11/2016; Do Công ty T không có nhu cầu tiếp tục sử dụng lao động đối với ông Đ nên Công ty quyết định không gia hạn hợp đồng số 042-HĐLĐ/2015-TT. Trên cơ sở đó, ngày 13/09/2016, Công ty T ban hành Quyết định số 44/2016-TT về việc chấm dứt hợp động lao động với ông Đ quyết định có hiệu lực từ ngày 13/9/2016 là phù hợp với khoản 3 Điều 36 Bộ luật Lao động.

[7] Mặt khác Quyết định số 44/2016-TT có hiệu lực từ ngày 13/9/2016 đến ngày 07/11/2017 ông Đ có bổ sung yêu cầu bồi thường 5 tháng tiền lương do việc chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, phía bị đơn có yêu cầu áp dụng thời hiệu. Căn cứ Khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động 2012 quy định thời hiệu khởi kiện đối với việc này là 1 năm, do đó đã hết thời hiệu khởi kiện. Việc nguyên đơn cho rằng đã có yêu cầu bồi thường trong các buổi làm việc trước đó nhưng không làm đơn yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm nhận định thời gian bổ sung yêu cầu khởi kiện được tính kể từ ngày 07/11/2017 là đúng.

[8] Do việc chấm dứt hợp đồng lao động của bị đơn là không trái pháp luật, đồng thời cũng đã hết thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bồi thường 5 tháng tiền lương (tính trong hợp đồng), án sơ thẩm cho rằng yêu cầu này của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận là có cơ sở, nghĩ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[9] Qua xem xét đĩa ghi âm cuộc họp đề ngày 22/8/2016, Hội đồng xét xử nhận thấy phía ông H - Tổng Giám đốc Công ty có đồng ý chi trả tiền thưởng năm 2015 - 2016 cho nguyên đơn bằng tiền riêng của mình. Tòa án xét thấy, việc chi trả tiền thưởng là ý kiến cá nhân của ông H và cũng là từ tiền riêng của ông Hòe nên không liên quan gì đến Công ty. Vì vậy, nguyên đơn cho rằng đây là sự kiện chứng minh Công ty đồng ý chi trả tiền thưởng năm 2015 - 2016 cho nguyên đơn là không có cơ sở.

[10] Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238, khoản 1 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 36; Điều 103 Bộ luật Lao động;

Căn cứ pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án 2009.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; Giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 60/LĐ-ST ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận I thành phố Hồ Chí Minh:

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ yêu cầu Công ty T trả thưởng năm 2015 với số tiền là 52.200.000 đồng (Năm mươi hai triệu hai trăm ngàn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ yêu cầu Công ty T bồi thường 5 tháng tiền lương (tính trong hợp đồng) là 15.000.000 đồng x 5 = 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công Ty T.

4. Về án phí: Ông Đ phải chịu 1.566.000 đồng án phí sơ thẩm được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp là 783.000 đồng (Bảy trăm tám mươi ba ngàn đồng) theo biên lai 004452 ngày 06/10/2016 của chi cục thi hành án Quận 1 ông Đ còn phải nộp 783.000 đồng (Bảy trăm tám mươi ba ngàn đồng). Công ty T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn lại cho Công ty Tsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên biên lai tạm ứng án phí số 0019980 ngày 11/9/2017 của chi cục thi hành án Quận 1 và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên biên lai tạm ứng án phí số 0019977 ngày 08/9/2017 của chi cục thi hành án Quận 1.

5. Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Đ đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai 0005191 ngày 23/10/2019 của chi cục thi hành án Quận 1

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận 1;
- Chi cục THA DS Quận 1;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Liên Minh